

Số: 78/2023/QĐST-DS

Thành phố Cao Lãnh, ngày 14 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 06 tháng 9 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 243/2023/TLST-DS, ngày 08 tháng 6 năm 2023, về việc “*Tranh chấp dân sự - Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: 1. Ông Trần Hoàng H, sinh năm 1992;
2. Bà Đỗ Thị Bích N, sinh năm 1992;

Cùng địa chỉ: Số 1, ấp Số 1, xã Di, huyện K, tỉnh S. *Người đại diện theo ủy quyền của ông H và bà N*: Bà Huỳnh Yến D, sinh năm 2000; Địa chỉ thường trú: Ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh C.

Địa chỉ liên hệ: Tầng 1, số 3, đường T, phường A, quận N, Thành phố C. (Hợp đồng ủy quyền ngày 25/5/2023)

- *Bị đơn*: Bà Trần Thị L, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Tổ 10, ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Ông Nguyễn Vũ P, sinh năm 1992; Địa chỉ thường trú: Ấp C, xã N, huyện P, tỉnh C.

Địa chỉ liên hệ: 4A, hẻm 1, đường 3/2, phường H, quận N, thành phố C. (Hợp đồng ủy quyền ngày 22/6/2023)

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Trần Hoàng H, bà Đỗ Thị Bích N (có bà Huỳnh Yến D là đại diện theo ủy quyền của ông H và bà N) và bà Trần Thị L (có ông Nguyễn Vũ P là đại

diện theo ủy quyền của bà L) thống nhất tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 15/02/2022 giữa ông Trần Hoàng H, bà Đỗ Thị Bích N và bà Trần Thị L; Ông Trần Hoàng H và bà Đỗ Thị Bích N được sử dụng phần đất diện tích đo đạc thực tế là 283.5m² trong phạm vi các mốc 3, 4, 5, 6, A, B, 3 theo Sơ đồ đo đạc ngày 13/7/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C, tỉnh Đ thuộc một phần thửa đất số 3164, tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại xã T, thành phố C, tỉnh Đ đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị L vào ngày 09/02/2022.

(Kèm theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 13/7/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C, tỉnh Đ).

Đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ thu hồi một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (DD 511647; Số vào sổ cấp GCN: CS02214) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp cho bà Trần Thị L vào ngày 09/02/2022 đối với diện tích đất đo đạc thực tế là 283.5m² thuộc một phần thửa đất số 3164, tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại xã T, thành phố C, tỉnh Đ để cấp lại cho ông Trần Hoàng H và bà Đỗ Thị Bích N.

Ông Trần Hoàng H, bà Đỗ Thị Bích N và bà Trần Thị L có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê khai và đăng ký điều chỉnh đối với diện tích đất được sử dụng và chịu trách nhiệm nộp các khoản thu theo quy định pháp luật (nếu có).

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Hoàng H và bà Đỗ Thị Bích N tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0012382 ngày 01/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C. Ông Trần Hoàng H và bà Đỗ Thị Bích N đã nộp xong án phí.

Bà Trần Thị L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, tổng cộng là 5.311.570 đồng (năm triệu ba trăm mười một nghìn năm trăm bảy mươi đồng) do ông Trần Hoàng H và bà Đỗ Thị Bích N tự nguyện chịu, ông Trần Hoàng H và bà Đỗ Thị Bích N đã nộp và chi xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh DT;
- VKSND TPCL;
- Chi cục THADS TPCL;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Ong Thị Ngọc Tâm